TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 11-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn
2. Ông Hồ Hữu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 448/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: 198 T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp: Ông Nghiêm Xuân T, chức vụ - Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật; bà Vũ Thị Mỹ D, chức vụ - Phó trưởng phòng dịch vụ khách hàng, Ngân hàng TMCP N, chi nhánh V là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ngày 29-10-2018) (có mặt)

2. Bị đơn : Chị Trần Hà T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

HKTT: 111/11 H, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Địa chỉ: 111/1 H, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24-9-2018 và các lần làm việc tại Tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 13-9-2016, Ngân hàng TMCP N (gọi tắt là ngân hàng), chi nhánh V và chị Trần Hà T có ký kết phát hành thẻ tín dụng Visa số V0080000010, loại thẻ cá nhân tín chấp với tổng hạn mức tín dụng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng),

mục đích sử dụng chi tiêu cho nhu cầu cá nhân. Theo quy định thì khách hàng được phép sử dụng tiền trước, sau đó ngân hàng sẽ sao kê và khách hàng phải thanh toán số tiền đã sử dụng vào ngày 05 hàng tháng cho ngân hàng.

Đến ngày 20-5-2017, chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán sao kê nhiều kỳ cho ngân hàng, tính đến ngày 20-5-2017, số tiền gốc mà chị T đã sử dụng trong hạn mức tín dụng là 16.435.331đ (Mười sáu triệu, bốn trăm ba mươi lăm ngàn, ba trăm ba mươi mốt đồng). Ngân hàng đã gửi thông báo nhắc nợ và liên hệ làm việc với chị T để yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ nhưng chị T vẫn không thực hiện. Theo biên bản làm việc ngày 11-01-2018, chị T xác nhận số nợ và cam kết thanh toán cho Ngân hàng mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi thanh toán hết nợ, tuy nhiên chị T đã không thực hiện đúng như cam kết. Tính đến ngày 20-9-2018, chị T còn nợ ngân hàng số tiền 15.762.195đ (Mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi hai ngàn, một trăm chín mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 15.165.109đ; nợ lãi là 128.062đ; phí là 469.024đ.

Tại đơn khởi kiện ngày 24-9-2018, Ngân hàng TMCP N yêu cầu chị T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21-9-2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất được quy định trong hợp đồng thẻ tín dụng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất và phí với số tiền là 597.086đ (Năm trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm tám mươi sáu đồng), chỉ yêu cầu chị T thanh toán số nợ gốc là 15.165.109đ (Mười lăm triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm lẻ chín đồng).

Bị đơn – chị Trần Hà T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhưng không đến Tòa để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa thì thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu về lãi suất và phí nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP N khởi kiện chị Trần Hà T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; bị đơn – chị T có nơi cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án

dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của chị Trần Hà T tại phiên tòa thì thấy: bị đơn – chị T đã được Tòa án đã tống đạt, niêm yết giấy báo hợp lệ yêu cầu đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử, tuy nhiên chị T vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bị đơn không có yêu cầu phản tố; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T.

[2]Về áp dụng pháp luật: Ngày 13-9-2016, Ngân hàng TMCP N, chi nhánh V và chị Trần Hà T có ký kết phát hành thẻ tín dụng Visa số V0080000010. Như vậy, hợp đồng phát hành thẻ tín dụng đã được các bên giao kết thực hiện trước ngày 01-01-2017 nên căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc chị Trần Hà T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 15.165.109đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trên cơ sở đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng ký kết giữa ngân hàng và chị Trần Hà T, ngày 13-9-2016, ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng Visa số V0080000010. Hội đồng xét xử nhận thấy việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng nên căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

Kể từ ngày 20-5-2017, chị Trần Hà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán sao kê nhiều kỳ cho Ngân hàng; ngày 22-5-2017, ngân hàng đã gửi thông báo nhắc nợ số 095/DVKH đối với chị T và ngày 11-01-2018, giữa ngân hàng và chị T có buổi làm việc để xác định số nợ và cam kết thanh toán nợ, tuy nhiên chị T vẫn không thực hiện theo đúng cam kết. Căn cứ các điều khoản phát hành thẻ tín dụng đã ký, ngân hàng yêu cầu chị T phải thanh toán toàn bộ dư nợ thẻ quá hạn là có căn cứ. Tính đến ngày 20-9-2019, chị T còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 15.165.109đ (Mười lăm triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm lẻ chín đồng).

Từ những phân tích đã nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với chị Trần Hà T; buộc chị T phải thanh toán số nợ gốc là 15.165.109đ (Mười lăm triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm lẻ chín đồng) cho ngân hàng.

[3.2] Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc chị Trần Hà T phải trả số tiền lãi và phí phát sinh là 597.086đ (Năm trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm tám mươi sáu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Trần Hà T phải chịu toàn bộ án phí là 758.255đ (Bảy trăm năm mươi tám ngàn, hai trăm năm mươi lăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 471, Điều 472 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N;

Buộc chị Trần Hà T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền 15.165.109đ (Mười lăm triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm lẻ chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng phát hành thẻ tín dụng đã ký.

[2] Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N về việc buộc chị Trần Hà T phải trả số tiền lãi và phí phát sinh là 597.086đ (Năm trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm tám mươi sáu đồng).

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trần Hà T phải nộp 758.255đ (Bảy trăm năm mươi tám ngàn, hai trăm năm mươi lăm đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 394.000đ (Ba trăm chín mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006444 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hồng Lợi